

QUAN NIỆM CỦA CHRISTOPHER DAWSON VỀ TÔN GIÁO VÀ VĂN HÓA

Tóm tắt: Giữa thế kỷ XX, Christopher Dawson (1889 - 1970) có những đóng góp đáng kể với tác phẩm “Religion and Culture” xuất bản năm 1948 ở Anh, đồng thời có một loạt khảo cứu về mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa trên bình diện rộng lớn qua lăng kính quan hệ giữa Khổng giáo và văn hóa Trung Hoa, Kitô giáo và văn hóa Phương Tây, Ấn Độ giáo và văn hóa Ấn Độ, Islam giáo và văn hóa Arab, v.v... C. Dawson còn là tác giả của hàng chục công trình khác, trong đó phải kể tới tác phẩm “Religion and the Rise of Western Culture” xuất bản sau đó hai năm như sự tiếp nối nghiên cứu của ông về chủ đề này. Bài viết này khảo cứu quan điểm của C. Dawson trong công trình nổi tiếng “Religion and Culture”¹.

Từ khóa: Tôn giáo và văn hóa, Christopher Dawson (1889 - 1970).

1. Các khái niệm văn hóa và tôn giáo, quan hệ giữa sản xuất vật chất với văn hóa và tôn giáo

Trước tiên cần làm rõ khái niệm văn hóa, một trong những khái niệm rộng lớn và bao trùm mọi lĩnh vực hoạt động của con người, do vậy, từ trước tới nay có tới hàng trăm định nghĩa khác nhau về văn hóa. Người ta vẫn dùng khái niệm văn hóa theo nghĩa gốc của từ này “Culture”, nghĩa là canh tác, gieo trồng, thậm chí gán vào đó là canh tác, gieo trồng vật chất và tinh thần cho xã hội. Người ta cũng thường sử dụng văn hóa theo nghĩa người có văn hóa, ám chỉ người giữ chuẩn mực truyền thống trong cách hành xử, người có giáo dục, có học thức. Tuy vậy, theo C. Dawson, trong cả hai nghĩa trên, chúng ta ít có gì để nói về quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo.

Cũng vì có những lúc do cách hiểu như vậy, nên ngay cả ở Phương Tây trong một thời gian dài, văn hóa và tôn giáo bị coi là không quan hệ với nhau, thậm chí đối lập với nhau. Tertullian (150 - 225) và những nhà

* PGS.TS., Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

thần học Kitô giáo nguyên thủy từng có quan điểm phản bác lại văn hóa, đối lập hệ giá trị thánh thiêng mà Kitô giáo cổ vũ với tất cả văn hóa khác và khoa học trần tục. Đó là kết quả tách biệt nhị nguyên giữa truyền thống văn hóa Kitô giáo dựa trên *Kinh Thánh* với truyền thống văn hóa Hy Lạp. Về sau, chủ nghĩa nhân văn thời Phục hưng càng làm gia tăng sự tách biệt này. Sự phát triển của văn hóa và khoa học tự nhiên những thế kỷ gần đây cũng phải chịu trách nhiệm một phần về hậu quả của nền giáo dục theo lối đó². Hiện nay, văn hóa có thể được hiểu theo nghĩa văn hóa vùng miền, chẳng hạn văn hóa Thăng Long, văn hóa vùng trồng nho Bordeaux, v.v...

Tuy nhiên, C. Dawson cho rằng, quan niệm nêu trên mới chỉ đề cập tới bề ngoài của vấn đề và bàn tới khía cạnh hạn hẹp của văn hóa. Dưới cách nhìn của ông, văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng, là toàn bộ quá trình hoạt động của con người. Nói cách khác, văn hóa là phương thức tồn tại của con người, là toàn bộ hoạt động của tồn tại người. Văn hóa được hiểu như phương thức sống (*Lebensform*, *Life form*) của con người. Con người ở đây vượt ra ngoài tầm vóc cá nhân. Đó là tất cả những gì thuộc về nhân loại, là thế giới con người. “Văn hóa với tính cách là một phương thức sống có tổ chức và xếp đặt dựa trên sự lưu truyền, chuyển tải (*Überlieferung*) chung và được quy định trong môi trường chung”³.

C. Dawson cũng phân biệt văn hóa với văn minh, mặc dù hai khái niệm này có nhiều tương đồng. “Một nền văn hóa xã hội là một phương thức sống có tổ chức và xếp đặt dựa trên một truyền thống chung và được quy định bởi một hoàn cảnh môi trường chung. Nó không đồng nhất với khái niệm văn minh vốn bao trùm một cấp độ duy lý có ý thức cao hơn. Văn hóa cũng không đồng nhất với xã hội như một khái niệm. Bởi vì, văn hóa thông thường phải bao hàm một số lượng các đơn vị xã hội độc lập”⁴. Con người là động vật xã hội, nên văn hóa bao giờ cũng thể hiện trình độ xã hội nhất định. Nó không tách biệt với tộc người. Cho dù từ người Eskimo ở Greenland cho tới thổ dân Nam Phi cũng có nền văn hóa riêng của họ. C. Dawson không cho rằng, văn hóa là sản phẩm lưu truyền của tộc người nhất định, mà đúng ra bản thân tộc người là sản phẩm của văn hóa. Bởi vì, sự phân biệt các tộc người khác nhau ngay từ khi loài người còn hoang dã cho tới sự phân định quốc tịch khác nhau thời cận đại đều xuất phát từ một truyền thống văn hóa, nghĩa là rốt cuộc đều phải quay về với văn hóa được hiểu như phương thức sống của con người, hay một

cộng đồng người. Văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng nhất của từ này, đó là văn hóa Trung Hoa, văn hóa Ấn Độ, văn hóa Do Thái, v.v... Do vậy, ở đây quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa được xem xét trên bình diện: Ấn Độ giáo với văn hóa Ấn Độ, Khổng giáo với văn hóa Trung Hoa, Kitô giáo với văn hóa Phương Tây, Islam giáo với văn hóa Arab, v.v...

Khái niệm tôn giáo cũng có những cách hiểu khác nhau. C. Dawson không đi sâu phân tích những tiêu chí phân định tôn giáo hay sự khác biệt giữa tôn giáo và thờ cúng dưới góc độ tôn giáo học. Cách hiểu Thượng Đế của một tín đồ sùng kính như Abraham hay Giacóp trong *Kinh Thánh* khác với cách hiểu Thượng Đế của một nhà khoa học (*Deum meum et Deum vestrum*), điều mà Blaise Pascal (1623 - 1662) đã nhận thấy. Nhà tư tưởng tôn giáo nào cũng tìm cách bắc cầu kết nối giữa hai cách hiểu nêu trên về tôn giáo. Chẳng hạn, dưới cách hiểu tôn giáo hiện đại cần có những tiêu chí khác với các hình thức tôn giáo nguyên thủy. C. Dawson chỉ đề cập tới những nét đại thể và phổ quát mà bất kể tôn giáo nào cũng phải có. Theo ông, “Tất cả tôn giáo trong lịch sử, từ những tôn giáo thấp bé nhất tới những tôn giáo cao siêu, đều thống nhất ở hai đặc điểm cơ bản: Thứ nhất, đó là niềm tin vào sự tồn tại của thần linh hay các lực lượng siêu nhiên mà bản chất của các lực lượng này là một sự huyền bí. Nhưng các lực lượng này lại đang có một quyền uy chi phối thế giới và cuộc sống của con người. Thứ hai, đó là sự gắn kết những lực lượng nêu trên với những cá nhân siêu phàm, những sự vật đặc thù hay những địa danh, lễ nghi đặc biệt được coi như những đường dẫn hay cầu nối giữa thế giới con người và thế giới thần linh. Do vậy, chúng ta tìm thấy ở trong tầng bậc văn hóa thấp nhất của Shaman giáo là những linh vật, tượng ảnh hay điệu múa thần thánh, trong khi ở các tầng bậc cao hơn thì phải có các nhà tiên tri hay tu sĩ tôn giáo (Priester) biểu trưng cho các thần linh, tiếp đến là các đền đài, thánh lễ thể hiện cho sự linh thiêng”⁵.

Văn hóa trong quan hệ với tôn giáo được xem xét theo hai khía cạnh. Thứ nhất, đó là văn hóa của một tôn giáo. Điều mà chúng ta bàn ở đây không chỉ là văn chương, mà còn là cả nền văn hóa tinh thần, sự rèn luyện tinh thần theo con đường của thần luật. Ở đây đề cập tới quan hệ giữa con người với hiện thực siêu con người, thực chất đó là bản chất tôn giáo. “Cái mà chúng ta đang đề cập ở đây (văn hóa) không phải là văn chương, mà là một nền văn hóa tinh thần, sự đào luyện của tinh thần theo những luật định của thần linh (Göttlicher Gesetz). Quá trình tìm kiếm tinh thần đó về thực

chất là quan hệ giữa con người với thực tại siêu con người mà theo quan niệm riêng của chúng ta tác thành nên bản chất tôn giáo”⁶. Theo góc độ này, quan hệ giữa văn hóa với tôn giáo được xem xét trong nội tại của một tôn giáo, quan hệ giữa tôn giáo với bản thân văn hóa của nó. Theo đó, văn hóa nằm trọn trong phạm vi tôn giáo. Chẳng hạn, tất cả những gì của văn hóa Kitô giáo đương nhiên là thuộc về Kitô giáo.

Thứ hai, quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa được xem xét theo nghĩa rộng nhất của hai khái niệm này. Đó là Khổng giáo với văn hóa Trung Hoa, Do Thái giáo với văn hóa Do Thái, Ấn Độ giáo với văn hóa Ấn Độ, Islam giáo với văn hóa Arab, v.v... Theo góc độ này, quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo được xem xét trong nội tại của một nền văn hóa. Ở cả hai chiều kích nêu trên, chúng ta đều thấy tôn giáo không thể tách biệt với văn hóa.

Quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa như vậy được xem xét trên nền tảng cách hiểu rộng nhất của hai phạm trù này. Một trong những trường hợp điển hình của quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo là ở Châu Âu, nơi mà văn hóa Kitô giáo chi phối hầu khắp lĩnh vực đời sống tinh thần nhiều thế kỷ trong lịch sử. Một trường hợp khác, chúng ta thấy trong văn hóa Trung Hoa vốn dựa trên nền tảng của Khổng giáo. Các tôn giáo lớn kiến tạo nên cả một nền văn hóa, nền văn minh lớn của nhân loại. “Ở bất cứ đâu trong cự thế giới, người ta đều thấy trên thực tế một mối quan hệ không thể tách biệt giữa tôn giáo và văn hóa tinh thần. Bởi vì, truyền thống của một nền văn minh cũng là truyền thống của một tôn giáo xác định nào đó; những kinh sách tôn giáo cũng là những tác phẩm kinh điển và là những vật liệu của nền tảng giáo dục cho một tầng lớp tinh tú có học thức cao trọng. Trước tiên người ta thấy, ở Trung Hoa trong giai đoạn cổ sử, học giả được coi như người bảo vệ truyền thống được thần hóa và giữ vị trí như tu sĩ tôn giáo. Ở đó, văn hóa đạo đức trí tuệ và lễ nghi trở thành một khối thống nhất hòa quyện vào nhau không thể tách biệt”⁷.

C. Dawson có một vài nhận xét về quan điểm mác xít. Ông không hoàn toàn phủ nhận quan điểm mác xít về mối quan hệ giữa sản xuất của cải vật chất với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Nhưng ông cũng không hoàn toàn thừa nhận sự chi phối của sản xuất của cải vật chất đối với các lĩnh vực tinh thần của xã hội. Lập luận của ông là, con người từ cổ xưa đã không thể sống thiếu tôn giáo trước khi trở thành một người sản xuất thực thụ. “Lý luận này (lý luận mác xít) đương nhiên ẩn chứa

một chân lý, cụ thể về vai trò nền tảng của cơ sở vật chất tự nhiên đối với toàn bộ cuộc sống và hoạt động con người. Sự vượt trội duy vật cũng chỉ nằm ở việc giản lược hóa các động lực kinh tế, động lực mà người nguyên thủy không nhất thiết phải là người sản xuất của cái vật chất theo cách hiểu của các nhà mác xít. Thổ dân Nam Phi hay tổ tiên của cư dân trên đảo Tasmania không sản xuất ra nhiều đồ ăn hơn những loài động vật là bao nhiêu cả (...). Nhưng họ khác với các loài động vật không phải bởi vì họ biết tạo ra thức ăn cho mình, mà chính là họ biết suy nghĩ và biết trồng trọt. Tôn giáo và nghệ thuật còn cổ xưa hơn cả nghề nông và nghề thủ công (...). Con người thành nhà tiên tri và nhà nghệ thuật trước khi trở thành người sản xuất”⁸.

Từ lập luận nêu trên, C. Dawson và C. Mác có cách tiếp cận khác nhau về quan hệ giữa sản xuất của cái vật chất với văn hóa và tôn giáo. Cũng như M. Weber, C. Dawson không hoàn toàn phủ nhận quan điểm mác xít về mối quan hệ giữa văn hóa với sản xuất của cái vật chất, nhưng ông không thừa nhận sự chế ước của sản xuất của cái vật chất đối với văn hóa nhân loại. Tôn giáo và văn hóa có quy luật phát triển nội tại chứ không hoàn toàn chịu sự chi phối của phương thức sản xuất của cái vật chất. Cũng như M. Weber, C. Dawson nhấn mạnh sự bình đẳng của văn hóa và tôn giáo trong quan hệ với sản xuất kinh tế, chứ không nghiêng về sự khẳng định chế ước của cái này đối với cái kia quen thuộc đối với các nhà mác xít. Lập luận của C. Dawson là, con người không phải ngay từ đầu đã là người sản xuất. Con người hoạt động văn hóa, hoạt động tôn giáo trước khi sản xuất ra của cái vật chất. Tôn giáo tuyệt nhiên không phải là sản phẩm phụ của sản xuất của cái vật chất. “Quả là có lý khi cho rằng, sản xuất kinh tế là điều kiện tất yếu đối với nền văn minh vật chất. Phương thức sản xuất thông qua tác động của nó tới hình thái xã hội có ảnh hưởng lớn tới thể thức văn hóa. Tuy nhiên, đây chỉ là một mặt của quá trình văn hóa, bởi vì các chỉ dấu văn hóa quan trọng đã hoàn toàn hiện hữu trước khi con người ta bắt đầu sản xuất kinh tế. Ở giai đoạn tiền sản xuất này, con người đạt được trình độ chuyên môn hóa cao độ về văn hóa và chế ngự được môi trường xung quanh dưới những điều kiện vô cùng khắc nghiệt của kỷ băng hà”⁹.

Theo C. Dawson, ngay từ thời thượng cổ, khi con người chưa trở thành người sản xuất đã có những hoạt động văn hóa và tôn giáo rồi. Ở đây, văn hóa được hiểu như toàn bộ quá trình hoạt động của con người, là

phương thức sống của con người cả về phương diện vật chất lẫn phương diện tinh thần. “Chúng ta thấy ở đó (kỷ băng hà), con người sản xuất ra đời sống tinh thần trước khi làm ra của cải vật chất, không hề có mối liên hệ tất yếu nào cả (mối liên hệ này có thể có nhưng không nhất thiết) giữa sự phát triển kinh tế với các giá trị tinh thần của một nền văn hóa”¹⁰.

Khi nói tới các giá trị tinh thần của một nền văn hóa, đương nhiên chúng ta phải đề cập tới tôn giáo. Điều đó càng đúng với những giai đoạn cổ xưa của nhân loại. Khó có thể phân biệt các tôn giáo nguyên thủy với các thuật bói toán, ma thuật, phù thủy, tập tục văn hóa và thờ cúng của người nguyên thủy. Hoạt động của con người khác với các loài động vật ở chỗ, hoạt động con người mang bản chất văn hóa và tôn giáo. Đương nhiên, có thể coi con người khác với các loài động vật ở chỗ, con người biết tạo ra công cụ lao động. Nhưng công cụ lao động không chỉ bao gồm lao động sản xuất của cải vật chất, mà còn gồm hoạt động văn hóa và tinh thần và khó có thể khẳng định giữa hoạt động vật chất và hoạt động tinh thần cái nào có trước, cái nào có sau một cách tách bạch, bởi hoạt động con người là một thể thống nhất. Con người là một động vật biết suy nghĩ, một động vật xã hội.

Trong lịch sử nhân loại, không có nền văn hóa nào tách biệt với tôn giáo cả. Điều này không phụ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế xã hội. Mối quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo có liên quan chặt chẽ với điều kiện phát triển kinh tế, nhưng không phụ thuộc vào việc sản xuất của cải vật chất. “Quả thực, mỗi nền văn hóa đều phát triển một kỹ năng sùng bái tôn giáo (religiöse Technik) có đặc trưng riêng mang lại trật tự tự nhiên cho cuộc sống cộng đồng. Con người luôn ý thức về sự xoay vần của tự nhiên cả khi họ còn ở trình độ sản xuất kinh tế thấp kém. Cả khi không được no đủ và mùa màng đói kém, con người vẫn biết rằng có mùa hạ và mùa đông cũng như có cả đêm lẫn ngày. Người ta cũng biết thời gian động đực của những loài thú mà họ săn bắn cũng như thời vụ đơm hoa kết trái giống cây mà họ gieo trồng. Cả khi còn ở trình độ phát triển xã hội thấp kém và mông muội, người ta cũng biết tới việc con người có sinh và có tử, kéo theo đó là sự tiếp nối giữa các thế hệ. Người ta tìm cách kết nối sự xoay vần của đất trời với sự xoay vần của đời người trong đời sống tôn giáo của họ hòa thành một nhịp”¹¹.

Tóm lại, C. Dawson có cách tiếp cận về văn hóa và tôn giáo khác với C. Mác. Cái chính là ông, cũng như M. Weber, hiểu phạm trù tôn giáo

khác với C. Mác. Không xếp văn hóa và tôn giáo thuộc lĩnh vực kiến trúc thượng tầng của xã hội, C. Dawson có cách tiếp cận khác trong phân tích quan hệ giữa văn hóa với sản xuất của cái vật chất cũng như giữa văn hóa và tôn giáo.

2.2. Quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa

Quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo bắt đầu xuất hiện ngay từ khi con người có hoạt động văn hóa trong thời kỳ tiền sử. Mỗi quan hệ này thể hiện rõ trong tư tưởng Hy Lạp - La Mã cổ đại và là một chủ đề chính trong tư tưởng thời Trung cổ. “Quan niệm về một khoa học thần linh thiết lập trật tự cho giới tự nhiên có cội nguồn từ trong sâu thẳm trong thế giới thấp kém của ma thuật và không hề bị mất đi với sự xuất hiện của khoa học Hy Lạp vào thế kỷ VI trước Công nguyên. Nó tiếp tục đơm hoa kết trái trong thời kỳ cổ đại và đem lại nhiều kết quả không chỉ trong khoa học thần bí của phái Pitagor, mà còn trong triết học của Platon và sau này trong học thuyết của các nhà Khắc kỷ. Thông qua đó, nó được chuyển tải một cách tổng thể vào văn hóa Hy Lạp - La Mã”¹².

C. Dawson đề cập trực tiếp tới bản chất của mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa. “Quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo thể hiện ở chỗ nào? Rõ ràng là sự tương đồng về phương thức sống quy định sự tương đồng về quan niệm sống cũng như sự tương đồng về chuẩn mực hành vi và chuẩn mực giá trị. Kết quả là xuất hiện một nền văn hóa của một cộng đồng về tinh thần mà sự thống nhất một cách cố kết của nó là nhờ niềm tin tôn giáo và những hình thức chung của nhà tư tưởng như một sự thống nhất vật chất (Physisch) nhất định”¹³.

Mỗi quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo không bất biến mà thay đổi trong tiến trình lịch sử nhân loại. Quan hệ này đặc biệt thể hiện rõ trong lịch sử nhân loại khi tôn giáo chi phối hầu như mọi lĩnh vực của hoạt động con người. Hiện nay, đối với con người đang sống trong một nền văn hóa mang tính thế tục cao có thể dễ dàng nhận thấy thế giới quan sống chung đó của mình là một cái gì đó hoàn toàn trần tục, không nhất thiết phải gắn với một niềm tin tôn giáo nào đó. Nhưng trong lịch sử, người xưa luôn cảm thấy cuộc sống của họ, xã hội của họ bị chi phối, lệ thuộc vào những lực lượng nằm ngoài tầm kiểm soát của họ. Bản thân người đi săn da đỏ cũng không thể tin vào năng lực săn bắn của mình, mà tin vào sự may rủi. Anh ta không thể tin rằng, mình có thể tự săn được con thú to nếu như không được một Đấng Siêu nhiên nào đó phù trợ.

Không có Đấng Siêu nhiên nào đó phù trợ thì người ta chả làm được cái gì cả. Ở những giai đoạn sau này, người ta cũng thấy nếp suy nghĩ như vậy ở nhiều tộc người¹⁴.

C. Dawson cho rằng, quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa không những thay đổi trong tiến trình lịch sử, mà còn khác biệt ở mỗi nền văn hóa. Nền văn hóa nào càng cổ xưa bao nhiêu thì càng ít có không gian để phân tách các chức năng xã hội bấy nhiêu, và khi các hoạt động con người ít có điều kiện để đa dạng hóa, tôn giáo càng gắn kết với những điều thiết yếu cuộc sống tới mức thậm chí cả những mặt kinh tế và xã hội của cuộc sống xã hội cũng gắn kết với tôn giáo, hòa trộn với tôn giáo rõ hơn so với trường hợp nền văn hóa phát triển cao hơn sau này¹⁵.

Chức năng văn hóa của tôn giáo vừa mang tính bảo lưu, vừa là một cơ chế động. Tôn giáo làm phép thánh sự chuyển tải một nền văn hóa, đồng thời quan tâm tới mục đích chung để các thành tố xã hội khác nhau của một nền văn hóa có thể tập hợp với nhau¹⁶. Mỗi quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa bao giờ cũng mang tính hai mặt. Phương thức sống quy định cách tiếp cận đối với tôn giáo. Ngược lại, hành xử tôn giáo có tác động đến phương thức sống¹⁷. Quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo cũng thay đổi trong tiến trình lịch sử. “Đối với người văn minh khó có thể nhận biết ý nghĩa tôn giáo trong các nghi thức đó (Totem giáo, thờ cúng của các bộ tộc, bộ lạc) cũng như thấu hiểu được ảnh hưởng của chúng đối với văn hóa. Nhưng đối với người nguyên thủy, các điệu nhảy múa và diễn kịch điệu bộ cũng là những hình thức cao cả nhất của hoạt động xã hội cũng như các hành vi tôn giáo có sức mạnh nhất. Thông qua chúng mà cộng đồng tham dự vào một sự kỳ bí mà trong các hành vi của họ có sự tham dự của các những lực lượng siêu nhiên”¹⁸.

Hơn nữa, quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo cũng khác biệt với các tôn giáo cụ thể. Cùng là tôn giáo thế giới, nhưng quan hệ của Islam giáo với văn hóa chẳng hạn, khác biệt nhiều so với quan hệ của Phật giáo với văn hóa. Trong khi M. Weber phủ nhận sự tồn tại cái gọi là văn hóa Phật giáo, bởi lẽ Phật giáo Nguyên thủy quá khác biệt với những hình thức phát triển sau này của Phật giáo, thêm nữa Phật giáo với bản tính khoan dung, đã pha trộn với văn hóa bản địa nơi nó truyền bá, thì quan điểm C. Dawson phần nào uyển chuyển hơn trong vấn đề này. C. Dawson cho rằng, Phật giáo theo cách nghĩ thông thường của người Phương Tây, dường như ít có quan hệ rõ nét tới văn hóa. Văn hóa Phật giáo thường bị

pha trộn với các thành tố văn hóa khác. Khó hình dung văn hóa Phật giáo một cách thật đặc trưng. Nhưng mặt khác, Phật giáo tạo ra một phương thức sống rất đặc thù cho cá nhân và cộng đồng, đồng thời tác động lớn tới các nền văn hóa ở Đông Á và Đông Nam Á. Cả trong thế giới hiện đại, chúng ta vẫn thấy ảnh hưởng của Phật giáo lớn như thế nào đối với phương thức sống của người Tây Tạng cũng như người Mông Cổ¹⁹.

Trong trường hợp Islam giáo, người ta đặc biệt thấy rõ một tôn giáo đã tạo lập nên một nền văn hóa và văn minh như thế nào. Tôn giáo này bằng cả hình thức bạo lực và phi bạo lực đã làm cho mỗi người Arab xóa bỏ tất cả tập quán, lối sống, nghi lễ văn hóa truyền thống theo đa thần giáo tiền Islam giáo trên bán đảo Arab, phá hủy toàn bộ các vương quốc cổ và các nền văn minh tiền Islam giáo, thay thế chúng bằng nghi lễ, lối sống của Islam giáo. Tôn giáo này phá hủy toàn bộ những gì con người tạo ra từ thời kỳ tiền Islam giáo, tạo lập nên một văn hóa mới, một văn minh mới, một lối sống mới, một thể chế xã hội mới của tất cả cộng đồng người từ Senegal tới Borneo. Từ người da đen Bắc Phi tới người du mục trên sa mạc Arab, từ tên cướp biển ở bán đảo Malaysia tới triết gia tên tuổi Ba Tư vốn trọng truyền thống và lịch sử bi tráng của một nền văn minh oai hùng, từ chiến binh Thổ Nhĩ Kỳ tới thương gia Ấn Độ, tất cả nhóm người vốn rất khác biệt về nguồn gốc tộc người, ngôn ngữ và văn hóa này, giờ đây cùng trở thành tín đồ của một tôn giáo mới, đọc chung Kinh *Coran*, thờ chung Thượng đế Allah, trong lịch sử từng tuân thủ chung một bộ giáo luật *Sharia*, nói chung một ngôn ngữ (bán đảo Arab và Bắc Phi).

Rõ ràng, trường hợp Islam giáo là một minh chứng bằng cách nào mà một tôn giáo mới kiến tạo nên cả một nền văn hóa mới. Islam giáo cho thấy bằng cách nào một tôn giáo mới lại thay đổi tất cả tập quán, lối sống, nếp nghĩ, ngôn ngữ của từng con người để rồi từ đó, bỏ lại tất cả sau lưng những gì cha ông họ từng tạo ra nhiều thế kỷ, đi theo tiếng gọi của một vị thần tối cao mà tôn giáo này tôn thờ²⁰. Quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo trong trường hợp Islam giáo gắn kết đến nỗi khó tách biệt được chúng, dù chỉ là tương đối. C. Dawson quả quyết: “Islam giáo là một ví dụ kinh điển minh chứng cho việc bằng cách nào một học thuyết tôn giáo mới, một nhãn quan sống mới (*Lebensauffassung*) lại có thể biến đổi cả một nền văn hóa vốn là phương thức sống mang tính xã hội. (Islam giáo là một ví dụ minh chứng) bằng cách nào mà kết quả là hình thái và thiết chế

xã hội được hình thành một cách bền vững qua nhiều thế kỷ, vượt qua mọi rào cản về ranh giới tộc người và địa lý”²¹. Không phải cường điệu khi cho rằng, Islam giáo là trường hợp điển hình cho thấy ảnh hưởng của tôn giáo tới văn hóa và tiến trình lịch sử nhân loại.

Như vậy, tôn giáo và văn hóa đương nhiên có sự tác động qua lại lẫn nhau. Phương thức sống ảnh hưởng tới cách tiếp cận (Zugang) tôn giáo, cũng như những sinh hoạt tôn giáo ảnh hưởng tới phương thức sống. Theo nghĩa này, có thể phân biệt tôn giáo của nông dân khác với của chiến binh, tôn giáo của học giả khác với của thợ săn. Xa hơn nữa, tôn giáo của một bộ tộc khác với của một nhà nước đô thị hay của một vương quốc. Xét theo nghĩa này, tôn giáo ở một mức độ đáng kể bị chế ước bởi các điều kiện kinh tế và văn hóa. Có thể xem bản thân tôn giáo là một sản phẩm của văn hóa²². Trong khi trên thực tế, tôn giáo của một dân tộc được giới hạn và chế ước bởi văn hóa của dân tộc đó, thì trên phương diện lý thuyết, cuộc sống của con người lại can hệ tới hiện thực thần linh và đặt dưới sức mạnh vô biên của thần linh²³. “Mặc dù tôn giáo theo lệ thường vẫn tác động theo hướng bảo thủ đối với văn hóa, nhưng nó lại là nguồn xung lực mạnh mẽ dẫn tới những biến đổi xã hội. Trên thực tế, người ta thậm chí có thể khẳng định, một nền văn hóa tôn giáo chỉ có thể thay đổi thông qua một tôn giáo mới mà thôi”²⁴. Quan hệ tôn giáo và văn hóa có một chiều kích rộng lớn cả không gian lẫn thời gian. Khi một tôn giáo mới ra đời, nó sẽ va chạm với văn hóa của xã hội sản sinh ra nó, làm biến đổi nền văn hóa có từ trước nó, nhưng bản thân tôn giáo mới này cũng bị văn hóa đang hiện hữu tác động tới nó và ở một mức độ nào đó biến đổi nó. Chúng ta thấy rõ khi các tôn giáo thế giới truyền bá tới những vùng văn hóa khác nhau thường bị bản địa hóa ở những mức độ khác nhau. Chẳng hạn, Phật giáo không phát triển được ở nơi sản sinh ra nó, Islam giáo ở Đông Nam Á cũng không còn cực đoan như ở Trung Đông hay Bắc Phi. Những trường hợp tương tự cũng thấy ở Kitô giáo và ở hầu hết các tôn giáo khác.

C. Dawson sử dụng khái niệm hình thái sùng bái tôn giáo (religiöse Gestalt) để diễn tả các thành tố tôn giáo trong một nền văn hóa. “Cái hình thái tôn giáo của một nền văn hóa thể hiện dưới dạng các thể thức, dạng thức tinh thần (geistliche Type) nổi trội. Do là, mỗi nền văn hóa phát triển đều sở hữu một đẳng cấp tôn giáo đặc biệt, một tầng lớp tinh tú tinh thần nào đó đảm nhận chuyển tải tôn giáo cộng đồng”²⁵. Minh chứng cho

việc một số nền văn hóa lớn có mối quan hệ khăng khít với việc phân tầng lớp tinh hoa tinh thần, C. Dawson lấy ví dụ cả ba nền văn hóa lớn của Châu Á là văn hóa Ấn Độ dựa trên sự phân biệt đẳng cấp cũng như phân tầng về tinh thần của Ấn Độ giáo; văn hóa Trung Hoa dựa trên sự phân tầng xã hội theo chuẩn mực của Khổng giáo, trong khi văn hóa Arab dựa trên những phân tầng tiên tri và các thủ lĩnh của Islam giáo.

Tương tự như vậy đối với Kitô giáo. C. Dawson chỉ ra ba giới chức tinh thần ảnh hưởng lớn trong văn hóa Kitô giáo. “Phương thức sống mang tính xã hội nào có, sở hữu một truyền thống tôn giáo hay một tôn giáo có tổ chức, sau đó đều hướng tới phát triển một tầng lớp tôn giáo đặc biệt hay một nhóm người mà xã hội tin tưởng giao phó cho việc thực hiện sứ mệnh như một khâu trung gian giữa cộng đồng và thế giới thần linh (göttliche Welt) (...). Trước hết, đó là những tu sĩ tôn giáo (Priests) như người đại biểu thực thụ đảm nhận các nhiệm vụ tôn giáo trong cộng đồng. Đó là những người được đào tạo và sẵn sàng đảm nhận thực hành các lễ nghi, trước hết là những vật hiến tế như sợi dây ràng buộc giữa cộng đồng và các thần linh của họ (...). Thứ hai, đó là quân vương hay nhà lập pháp đóng vai trò như người đại diện, kết tinh những lực lượng siêu nhiên. Cuối cùng là những nhà tiên tri hay những nhà chiêm tinh đảm nhận vai trò người phát ngôn ý chí của thần linh biểu lộ ước vọng, sấm truyền và khai huyền kỳ bí của thế giới thần linh”²⁶.

Ba nhân vật nêu trên không phải lúc nào cũng tách biệt nhau, mà trong nhiều trường hợp, quân vương là chức sắc tôn giáo hoặc nhà tiên tri nắm trong tay cả thần quyền lẫn thế quyền. Tuy nhiên, đó là ba chức năng khác biệt nhau đóng vai trò phân loại các loại hình văn hóa, dù nó được thể hiện thông qua một cá nhân. Trong khi đó, tiên tri là một đặc tính của hầu hết các hình thái tôn giáo, kể cả các tôn giáo ở trình độ phát triển cao. “Có vô số những minh chứng từ các nền văn hóa và các thời kỳ khác nhau, từ những nền văn hóa thấp kém cho tới những nền văn hóa phát triển đều cho thấy niềm tin vào sự tiên tri luôn mang tính phổ biến. Có những người được truyền thụ cảm hứng và khả năng nhìn thấy không phải theo nghĩa thông thường là ai cũng có khả năng đó. Mỗi dân tộc đều tin rằng, một số người có thể mang tới cho dân tộc đó những đặc ân. Những người đó được lựa chọn để có thể lĩnh hội chân lý tối thượng (...). Trong các nền văn hóa hoang sơ, đặc ân của tiên tri càng được phổ biến rộng rãi”²⁷. Dạng thức tiên tri (prophetischer Typus) trong cả nghĩa rộng

lần nghĩa hẹp là khí quan phổ quát, tất yếu và nền tảng của tôn giáo một khi trải nghiệm tôn giáo là căn cốt đối với tôn giáo.

Có văn hóa phi tôn giáo hay văn hóa thế tục, nhưng không có tôn giáo nào lại không chuyển tải những giá trị văn hóa nhất định. “Trong mỗi tôn giáo đều có những mục tiêu văn hóa thông qua việc chuyển tải và cảm hứng tiên tri cũng như bằng việc chế ước sự trình diễn và trải nghiệm tinh thần của các nhà thần bí (...). Bản thân Rousseau là ví dụ điển hình của một nhà tiên tri trần thế. Rồi các nhà lãnh đạo Cách mạng Pháp, trước hết là Robespierre và Thánh Just là những quốc vương (Islam giáo) của phong trào nhân đạo Mahdi (...). Cuối cùng, chúng ta thấy một nghịch lý tới mức kỳ cục của phong trào mác xít, cho dù mang theo cả một tư tưởng hệ duy vật cũng như một nền đạo đức thế tục, nhưng vẫn chứa đựng trong nó nhiều đặc tính của một tôn giáo mang tính tiên tri”²⁸.

Theo C. Dawson, tôn giáo đóng vai trò quyết định đời sống tinh thần của một xã hội và trong nhiều trường hợp thật khó phân định văn hóa và tôn giáo. Tôn giáo là nguồn cảm hứng cho việc sáng tạo văn hóa. “Tôn giáo là chiếc chìa khóa đi vào lịch sử. Chúng ta không thể hiểu được hình thái nội tại bên trong một xã hội nào đó nếu như không hiểu tôn giáo của xã hội đó. Chúng ta cũng không thể hiểu được năng lực và thành quả văn hóa của xã hội đó, nếu như không nắm được niềm tin tôn giáo kiến tạo nên nền văn hóa đó. Trong mọi thời đại, những hành vi tác thành đầu tiên của một nền văn hóa thường vẫn phải lấy cảm hứng từ hơi thở tôn giáo và gắn với mục đích tôn giáo”²⁹.

Lấy dẫn chứng vai trò của tôn giáo với đời sống tinh thần của một xã hội, C. Dawson lập luận tại sao Phật giáo không thể trở thành tôn giáo chính ở Ấn Độ? Nên nhớ rằng, Phật giáo từng là quốc giáo của Ấn Độ thời vua Asoka. Nhưng rồi, bởi vì Phật giáo không có khả năng chi phối văn hóa tinh thần của xã hội Ấn Độ, nó phải nhường chỗ cho Ấn Độ giáo. “Ở Ấn Độ tự nó chuyển tải một nền văn hóa gắn bó một cách sâu nặng với tôn giáo của giới tu sĩ (Religion der Priesterschaft) và hiển tế như chúng ta từng chứng kiến nó đã vượt qua và chiến thắng một cách khái hoàn tôn giáo mang tính thế tục và giải thoát (ám chỉ Phật giáo). Chính nhờ có Ấn Độ giáo hiện đại mới có dịp xuất hiện nhiều vô kể đền đài thờ thần Vishnu và Siva và gắn với nó là nghi thức thờ cúng theo lối cổ điển của một nền văn hóa thờ phụng”³⁰.

Mối quan hệ hữu cơ giữa tu sĩ và tầng lớp trí thức, theo C. Dawson, thể hiện rõ trong lịch sử Châu Âu. Các trường đại học đầu tiên ở Châu Âu xuất hiện dưới thời trung cổ phải kể trước tiên là các khoa thần học. Khoảng từ thế kỷ XVII (ở Anh thậm chí còn muộn hơn) mới hình thành các trường đại học theo đúng nghĩa của chúng, nghĩa là đào tạo cả các ngành khoa học, tri thức về tự nhiên và xã hội³¹. Khảo cứu mối quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo tại Châu Âu với các châu lục mà người Phương Tây khai hóa trong thời kỳ thuộc địa, C. Dawson nhận định: “Như vậy, trong tân thế giới (ám chỉ Phương Tây thời cận hiện đại), chúng ta thấy những dạng thức văn hóa tôn giáo (Type of religious Culture) thể hiện rõ nét hơn và phát triển ở những dạng cực đoan hơn so với ở cựu thế giới (ám chỉ Châu Âu trước năm 1500)”³².

2.3. Đặc trưng của quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo trong xã hội Á Đông

Như đã đề cập, quan hệ tôn giáo và văn hóa tùy thuộc từng tôn giáo và từng văn hóa. C. Dawson dành thời lượng phân tích mối quan hệ này trong văn hóa Ấn Độ, nhất là trường hợp Trung Hoa và nhận thấy một số đặc trưng của quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo trong xã hội Á Đông rất khác biệt với hệ giá trị của Phương Tây. “Hệ giá trị tinh thần của Trung Hoa rất khác biệt so với hệ giá trị tinh thần của xã hội chúng ta (Châu Âu, Phương Tây) tới mức thật khó có thể dùng hệ thống thuật ngữ của Phương Tây để diễn tả các khái niệm đạo đức trong kinh điển Trung Hoa vốn không tước bỏ các âm hưởng tôn giáo và khung cảnh văn hóa tinh thần của chúng”³³.

Nhận xét này của C. Dawson có cơ sở. Chúng ta cảm thấy sự khiên cưỡng khi sử dụng các thuật ngữ phổ biến trong văn hóa Châu Âu, chẳng hạn, hữu thần (Theism), vô thần (Atheism), duy vật (Materialism), duy tâm (Idealism),... để thể hiện văn hóa Không giáo. Người Trung Hoa và người Việt Nam, nói như L. Cadière, sống không có Thiên Chúa. C. Dawson cũng nhận thấy, trong văn hóa Trung Hoa không hề có hệ thống quan niệm thần học giống như ở Phương Tây, nơi chịu ảnh hưởng của tôn giáo nhất thần, cụ thể là Kitô giáo. “Quả thực trong học thuyết Không giáo thiếu vắng hệ thống thuật ngữ thần học và một sự mộ đạo với Chúa (theistische Frömmigkeit). Nhưng điều đó không có nghĩa là, nơi đây ngự trị sự hoài nghi tôn giáo hay một cách hành xử duy lý, mà chỉ là nhấn mạnh sự ngưng ngừng và thiếu tin tưởng đối với những tình cảm nằm

ngoài sự kiểm soát. Đó là cách hành xử hoàn toàn đặc trưng của tư duy Khổng giáo”³⁴.

Điểm khác biệt khá rõ nằm ở chỗ, Khổng giáo không phải là tôn giáo theo cách hiểu của người Phương Tây. Nhưng cũng sẽ không hẳn đúng nếu người ta phủ nhận hoàn toàn tính tôn giáo của học thuyết này. Do vậy, đôi lúc C. Dawson sử dụng cụm từ tôn giáo Khổng giáo. “Toàn bộ mối quan hệ con người với các lực lượng cao siêu đều thể hiện qua các lễ nghi. Các lễ nghi có nguồn gốc từ Thiên đình. Thông qua các lễ nghi đó, các Thiên tử thời cổ xưa áp đặt mục đích của mình đối với mọi người (...). Trọng tâm của tôn giáo Khổng giáo không nằm ở tính siêu nhiên hay khổ hạnh, mà ở trong lễ nghi, trong cách hành xử, cũng như những bổn phận của con người đối với cộng đồng (...). Điều đó mặc định chúng ta bề ngoài một cơ sở chưa thật chắc chắn lắm để có thể xây dựng nên một tôn giáo thế giới, nhưng lại hoàn toàn thích dụng khi bàn về một hệ thống đạo đức xã hội và một nguyên lý văn hóa mà Khổng Tử và các nho sĩ đã để lại nền tảng cho việc hưng thịnh hay suy vong của văn hóa và tôn giáo”³⁵.

C. Dawson cho rằng, một trong những khác biệt của văn hóa Trung Hoa đối với các văn hóa khác là tính phiếm thần và tính thế tục của nó. Các tôn giáo Trung Hoa không có tổ chức giáo hội cũng như hệ thống tu sĩ và giáo sĩ đồ sộ như các tổ chức tôn giáo ở các nền văn hóa Phương Tây, Ấn Độ hay Arab. Trung Hoa quả là một mô hình xã hội khác với các mô hình xã hội thần quyền trong lịch sử mà chúng ta thường thấy. “Ít có nền văn hóa nào trong lịch sử mà giới tu sĩ lại đóng vai trò nhỏ bé như ở Trung Hoa. Trong số tất cả nền văn hóa lớn của nhân loại, ít nơi nào vai trò của tôn giáo không lớn, tính thế tục thể hiện rõ như ở nơi đây (ngoại trừ văn hóa Phương Tây thời cổ xưa) (...). Ở Trung Hoa, chúng ta thấy có mối liên hệ hữu cơ giữa (một đằng là) quan niệm nguyên thủy về một trật tự thiêng lập nên trật tự của tự nhiên, cũng như trật tự hiến tế và trật tự xã hội và (đằng khác là) một quan niệm triết học phát triển đầy đủ về một hệ quy chuẩn đạo đức chi phối hành vi của mỗi cá nhân đối với cuộc sống của cộng đồng và cả hai thứ quy luật này thống trị cả thế giới”³⁶.

Nhưng có tính tôn giáo không có nghĩa là tôn giáo. C. Dawson cho rằng, Khổng giáo không phải là tôn giáo theo đúng nghĩa của từ này và Khổng Tử không phải là một nhà tiên tri. Mặc dầu vậy, Khổng Tử đi vào lịch sử giống như Thích Ca hay Zarathustra vậy. “Rất có thể không xảy ra việc một tôn giáo (Khổng giáo) không phải thiết lập nên trật tự hay tôn thờ

tự nhiên ganh đua với những tôn giáo lớn thế giới chẳng hạn như Phật giáo (...). Không phải thiếu cơ sở bởi vì Khổng Tử đã cải biến tôn giáo tự nhiên mang nặng tính cổ xưa của Trung Hoa cổ đại thành một thứ triết học tôn giáo và hệ quy chuẩn đạo đức mà cho tới nay vẫn là nền tảng tinh thần của Trung Hoa”³⁷. C. Dawson nhấn mạnh sự đan xen giữa thế quyền và thần quyền trong các triều đại phong kiến Trung Hoa kéo dài mãi tới năm 1912 khi Cách mạng Tân Hợi bùng nổ, chấm dứt nhà Thanh và chế độ quân chủ. Hoàng đế tập trung mọi quyền lực của nhà nước, về phương diện thế quyền (với tư cách người đứng đầu quốc gia) và thần quyền (Thiên tử). Tất cả đất nước là của hoàng đế. Tất cả công dân đều là thần dân của hoàng đế, chịu sự cai quản của hoàng đế. Từ góc độ văn hóa tôn giáo, C. Dawson cắt nghĩa tại sao Khổng giáo không thể tồn tại độc lập, mà phải cần tới sự dung thông với Phật giáo từ Ấn Độ truyền bá sang. “Quả thực Khổng giáo không phải là một tôn giáo theo đúng nghĩa của từ này, nhưng lại mang đầy tính chất của một tôn giáo và có tác động xã hội to lớn (...). Nhưng điều đáng chú ý hơn là, ở đây hoàn toàn thiếu vắng nhu cầu tâm linh, nhu cầu tôn giáo của mỗi cá nhân, và như vậy, nó tạo ra một khoảng trống tâm linh (*geistige Leere*) trong lòng văn hóa Trung Hoa. Điều đó cắt nghĩa vai trò của Phật giáo luôn tồn tại bên cạnh những nghi lễ Khổng giáo quan phương và giữ vị trí như một tôn giáo không quan phương (*inoffizielle Religion*) và bổ trợ ở Trung Quốc”³⁸. Tuy không có một hệ thống tu sĩ, giáo sĩ, tổ chức giáo hội với bộ giáo luật, nhưng Khổng giáo vẫn đảm nhận những vai trò to lớn của một tôn giáo đối với sự phát triển xã hội, làm bệ đỡ tinh thần cho văn hóa và xã hội Trung Hoa trong lịch sử. Đây là nét độc đáo của xã hội Trung Hoa so với Phương Tây.

C. Dawson phân tích cả Khổng giáo và Đạo giáo, nhưng nhấn mạnh tương đồng giữa hai trào lưu triết học và tôn giáo nêu trên. Điều đó không làm thay đổi những khác biệt căn bản của các tôn giáo Trung Hoa với các tôn giáo nhất thần Phương Tây. “Khổng Tử chưa bao giờ tìm cách bác bỏ những đặc tính siêu nghiệm của Thiên mệnh. Ông chỉ muốn trật tự này thành một nguyên tắc sống trong hành xử xã hội cũng như lối sống của mỗi cá nhân thay thế cho thuyết giáo của nhà tiên tri, thầy cúng và tu sĩ tôn giáo. Những thuyết giảng về Thiên mệnh dưới một cách diễn đạt kinh điển người ta tìm thấy cả trong ngôn từ của các triết gia Đạo giáo (...). Sự khác biệt giữa chúng (Khổng giáo và Đạo giáo) là cách vận dụng các tư tưởng cơ bản. Trong khi các nho sĩ hướng tới trật tự vũ trụ

thông qua việc dạy dỗ, giáo huấn đạo đức và tuân thủ các lễ nghi, thì các đạo sĩ muốn đạt được mục đích cuối cùng thông qua chiêm nghiệm, suy niệm thần bí và thực hành pháp thuật và giả kim thuật”³⁹.

Nhìn chung, phân tích của C. Dawson về quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo trong văn hóa Trung Hoa và một số văn hóa Á Đông khác mang tính khách quan không chỉ bởi vì ông am tường văn hóa và xã hội Á Đông, những đặc thù của nó khác với văn hóa Châu Âu, mà còn bởi ông cũng như M. Weber không còn bị trói buộc bởi quan điểm lấy Châu Âu làm trung tâm (Eurocentrism) vốn ngự trị trong giới khoa học xã hội Châu Âu hàng thế kỷ trước đó.

Phân tích của C. Dawson về quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa, nhất là phân tích về tôn giáo trong xã hội Á Đông của ông là sự tiếp nối nghiên cứu của M. Weber. Trong mọi trường hợp, chúng bổ ích cho chúng ta khi phân tích quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo ở Việt Nam.

3. Một số nhận xét có tính phương pháp luận

Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa trong lịch sử nhân loại, C. Dawson đúc kết một số luận điểm chính như sau: “Lịch sử đã chỉ ra rằng, mỗi tương tác một cách sống động giữa tôn giáo và văn hóa ngay từ đầu đã là một trạng thái bình thường của xã hội loài người. Thậm chí cả những tôn giáo hướng con người chạy trốn tới cõi hư vô vĩnh hằng cũng vẫn phải bắt chấp ý chí của nó để khoác trên mình các hình thức văn hóa. Trên thực tế, tôn giáo sẽ chấm dứt chừng nào nó bắt đầu xác tín về cái siêu việt tuyệt đối của hiện thực tinh thần (khi nó không chuyển tải giá trị văn hóa nào)”⁴⁰. Nói cách khác, một tôn giáo không thể tồn tại nếu nó hoàn toàn tách biệt khỏi thế giới con người đang sống.

Những phân tích nêu trên của C. Dawson dẫn ông tới khẳng định, tôn giáo là căn tính của văn hóa, nên xung đột văn hóa chẳng qua là xung đột giữa các tôn giáo đóng vai trò bộ đỡ tinh thần cho các nền văn hóa đó: “Kết quả dẫn tới là mọi cuộc xung đột giữa các nền văn hóa chẳng qua là những xung đột giữa các hệ nguyên tắc tư tưởng thích ứng khác nhau. Nói cách khác, đó là những xung đột giữa các tôn giáo khác nhau mà thôi. Thực tế, đa phần xung đột đó do khác biệt giữa các nền văn hóa và truyền thống xã hội của chúng gắn với khác biệt trong giáo lý tôn giáo gắn với chúng. Điều này thể hiện quá rõ trong lịch sử khi những đối lập giữa các lý thuyết thần học dẫn tới sự tan rã của đế chế La Mã”⁴¹.

Theo C. Dawson, các tôn giáo thế giới kiến tạo nên một nền văn hóa lớn của nhân loại. Do vậy, có thể phân loại văn hóa thế giới thành năm hay sáu nền văn hóa tôn giáo khác nhau. Ý tưởng này lần đầu tiên được M. Weber khởi thảo, nhưng ông không kịp hoàn thành dự án của mình. Sau này, Samuel Huntington tiếp nối, nhấn mạnh ngoại lệ ở một số nền văn hóa, chẳng hạn, Trung Phi, Nam Phi và Châu Mỹ Latinh, nơi tôn giáo chủ lưu chưa hoàn toàn đóng vai trò trụ cột, bệ đỡ tinh thần, trong khi các tôn giáo bản địa mạnh mẽ tạo nên sắc thái vùng miền lẫn át cả giá trị chung của khu vực. Nhưng kể cả ở những khu vực này, tôn giáo nếu không đóng vai trò nền tảng thì chí ít là thành tố của văn hóa hay nằm giữa hai vai trò hạt nhân và thành tố của văn hóa. “Bằng cách này, từng tôn giáo thế giới đều trở thành những nền tảng tinh thần của một nền văn hóa đặc thù hay siêu văn hóa (Überkultur) tới mức nền văn minh của nhân loại từ lịch sử đến hiện tại có thể phân thành năm hay sáu nền văn hóa tôn giáo khác nhau (...). Mỗi nền văn hóa tôn giáo đó tựa như một thế giới khép kín vậy, tương đối cách biệt với các nền văn hóa tôn giáo khác. (Những nền văn hóa tôn giáo lớn này) tiếp tục cách biệt với các nền văn hóa khác vốn là các nền văn hóa tôn giáo tiền sử trong thời kỳ mà văn hóa cổ xưa được lan rộng từ điểm kết thúc này đến điểm kết thúc khác của thế giới cổ đại”⁴².

Về tổng quan, văn hóa rộng hơn tôn giáo. Trong văn hóa có cả những thành phần thế tục, phi tôn giáo. Văn hóa khoa học đang được thúc đẩy bởi sự phát triển của công nghiệp. Tuy nhiên, xu thế thế tục hóa hiện nay, theo cảnh báo của C. Dawson, báo hiệu sự phát triển không hợp lý hay phát triển lệch lạc của nhân loại. Đây không còn là văn hóa theo đúng nghĩa truyền thống của từ này, không còn là trật tự chung chi phối mọi khía cạnh của đời sống con người. Điều này có thể dẫn nhân loại tới những hệ lụy không mong muốn. “Văn hóa đó (văn hóa thế tục) không còn là văn hóa theo nghĩa truyền thống của từ này, nghĩa là không còn là trật tự chung (Gesamtordnung) định hướng mọi phương diện của đời sống con người trong một cộng đồng tinh thần sống động nữa (...). Chừng nào phong trào thế tục hóa còn là một mặt của cuộc sống con người, thì chừng đó con người sẽ sử dụng nguồn trợ giúp ấy như chỉ mang tính tạm thời và đáng bị khinh bỉ, nhưng vẫn còn phải sử dụng. Nếu vậy, tình trạng hiện tại có thể sẽ rơi vào trạng thái khủng hoảng như là hệ quả của quá trình thế tục hóa theo hướng xác định một cách thái quá. Sự thế tục hóa thái quá thông qua sự dao động của con lắc có thể bị phủ định theo hướng bên kia”⁴³.

C. Dawson bày tỏ thất vọng trước sự gia tăng khoảng cách giữa khoa học và tôn giáo, bởi nếu vậy sẽ đẩy đời sống tinh thần của nhân loại tới những mâu thuẫn khó có thể giải quyết. Nguy cơ đến cả từ phía các tổ chức tôn giáo cực đoan tách rời khỏi văn hóa. “Mọi phong trào tôn giáo thuần túy phê phán hoặc có cách hành xử tiêu cực đối với văn hóa là một sức mạnh phá hoại”⁴⁴. Như vậy, chúng ta đang chứng kiến hai khuynh hướng phát triển lệch lạc trong xã hội hiện tại, một đằng là khoa học phi tôn giáo, một đằng khác là tôn giáo đối lập với khoa học. Cả hai khuynh hướng này đều không ổn, bởi chúng chỉ biết tới khía cạnh đối lập giữa khoa học và tôn giáo, mà bỏ qua khía cạnh khác mang tính tương hỗ giữa hai lĩnh vực này của hoạt động con người. “Chúng ta đang có thể giới văn hóa khoa học thể tục hóa chẳng khác gì cái thể xác thiếu mất linh hồn, Ở mặt khác, tôn giáo cũng đang sống trong một tồn tại người (Dasein) biệt lập chẳng khác gì linh hồn nhưng thiếu mất thể xác vậy”⁴⁵.

C. Dawson quả quyết về khả năng kết hợp, tương hỗ lẫn nhau giữa khoa học và tôn giáo. Nhân loại cần khoa học và tôn giáo như một sự bổ trợ lẫn nhau. “Toàn bộ lịch sử của văn hóa cho thấy, con người trong trạng thái tự nhiên của mình luôn tìm kiếm một nền tảng tôn giáo phục vụ cho những phương thức sống xã hội (văn hóa) của mình, cũng từ đó văn hóa bị chao đảo khi nó đánh mất đi nền tảng tinh thần của nó (...). Chẳng có lý do bắt buộc nào có thể phủ nhận khả năng kết hợp giữa một nền văn minh thể giới khoa học với một tôn giáo siêu việt và mang tính phổ quát cả. Ngược lại, có một sự lựa chọn họ hàng theo lẽ thường giữa lý tưởng khoa học của việc tổ chức và duy lý hóa thể giới vật chất thông qua trí tuệ của con người với lý tưởng tôn giáo thiết lập trật tự cuộc sống con người dựa trên một mục đích tinh thần thông qua quy luật cao cả có cội nguồn trong lý trí của Thượng Đế”⁴⁶.

Rõ ràng, quan niệm này của C. Dawson ở tầm cao hơn một số quan niệm cổ điển chủ trương đối lập khoa học với tôn giáo. Tuy có những hình thức thể hiện khác nhau, dựa trên các chuẩn mực khác nhau, nhưng cả tôn giáo lẫn khoa học suy cho cùng đều là sản phẩm hoạt động của con người, vì những lý tưởng cao cả của nhân loại. Cả tôn giáo lẫn khoa học đều hướng tới những giá trị nhân văn và phục vụ cho sự thịnh vượng của con người. Cho dù chứng kiến xu thế thể tục hóa trong xã hội hiện đại là một thực tế, nhưng C. Dawson không ít nhiều bi quan như M. Weber, mà lạc quan về tương lai của tôn giáo với tính cách là hạt nhân của văn hóa, bởi

tôn giáo chi phối đáng kể linh hồn của nhân loại. “Tôn giáo mãi là một năng lực sống động của thế giới. Quả thật khó ước định sức mạnh của tôn giáo chi phối linh hồn và cuộc sống con người tới mức độ nào, bởi vì năng lực này không thể tính toán bằng phương pháp thống kê được”⁴⁷.

Đọc công trình *Culture and Religion* của C. Dawson, chúng ta có cảm giác như khi đọc công trình *Wirtschaftsethik der Weltreligionen* của M. Weber về tầm bao quát tri thức và am tường về văn hóa và tôn giáo các châu lục ngoài Châu Âu cũng như sự bứt khỏi quan điểm lấy Châu Âu làm trung tâm. Có điều khác với M. Weber, C. Dawson tập trung khảo cứu quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo với cách diễn đạt dễ hiểu hơn và mạch lạc hơn. Ở đây, cả văn hóa lẫn tôn giáo được hiểu theo nghĩa rộng nhất của từ này, khi mà ranh giới phân biệt giữa tôn giáo và thờ cúng về phương diện tôn giáo học không phải là mối quan tâm của C. Dawson.

Tôn giáo là những thành tố tạo nên một nền văn hóa, hơn nữa là hạt nhân của văn hóa tùy thuộc vào từng tôn giáo cụ thể và từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Phân tích từ những hình thái tôn giáo cổ xưa nhất và sơ đẳng nhất tới những tôn giáo có tổ chức giáo hội, từ đa thần giáo tới nhất thần giáo, từ tôn giáo của người nguyên thủy tới tôn giáo của người hiện đại, chúng ta đều nhận thấy rõ điều này. Đó là những điều mà C. Dawson muốn nhấn mạnh trong công trình này. Thực tế, khó có thể phân định ranh giới một cách rõ ràng giữa tôn giáo và văn hóa. Các giá trị văn hóa thể hiện trong mọi thành tố cấu thành tôn giáo như một thực thể và thiết chế xã hội. Tôn giáo là nền tảng tinh thần của văn hóa, là nguồn cảm hứng tạo nên biết bao công trình văn hóa của nhân loại. Như triết gia Đức F. Hegel (1770 - 1831) từng nói: “Nếu không có sự say mê thì không có gì kỳ vĩ được tạo ra trên thế giới này cả. Tôn giáo là nguồn mạch của những cảm hứng say mê này”. Tôn giáo và văn hóa tựa như hai vòng tròn giao nhau ở những điểm căn bản nhất và không nên hiểu sự giao nhau này một cách tĩnh lặng mà luôn biến đổi, là luận điểm trung tâm xuyên suốt công trình của C. Dawson./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Christopher Dawson (1948), *Religion and Culture*, Sheed and Ward, London. Trong bài viết này, chúng tôi khảo cứu qua bản dịch tiếng Đức: Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf.
- 2 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 236.

- 3 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 63.
- 4 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 65.
- 5 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 74.
- 6 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 236.
- 7 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 236.
- 8 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 178.
- 9 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 179.
- 10 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 179.
- 11 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 185.
- 12 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 201.
- 13 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 67.
- 14 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 67-68.
- 15 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 71.
- 16 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 63.
- 17 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 63.
- 18 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 72.
- 19 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 83.
- 20 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 73.
- 21 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 74.
- 22 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 80.
- 23 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 81.
- 24 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 82.
- 25 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 87.
- 26 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 90.
- 27 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 94.
- 28 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 111-113.
- 29 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 69.
- 30 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 136.
- 31 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 141.
- 32 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 215.
- 33 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 220.
- 34 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 221.
- 35 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 221-222.
- 36 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 216-217.
- 37 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 218.
- 38 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 229-230.

- 39 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 223-224.
- 40 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 278.
- 41 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 279.
- 42 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 283.
- 43 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 288.
- 44 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 274.
- 45 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 289.
- 46 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 290.
- 47 Christopher Dawson (1951), *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf: 288.

Abstract

CHRISTOPHER DAWSON'S VIEWS ON RELIGION AND CULTURE

In the middle of the 20th century, Christopher Dawson (1889 - 1970) had valuable contribution through the work “Religion and Culture” published in 1948 in England and research on the relationship between religion and culture on a large scale through the relationship between Confucianism and Chinese culture, Christianity and Western culture, Hinduism and Indian culture, Islamism and Arab culture, etc. Christopher Dawson was also the author of works such as “Religion and the Rise of Western Culture” published in 1950 and it was considered as his continuity of this theme. This text indicates the views of Christopher Dawson through the famous work “Religion and Culture”.

Keywords: Religion and Culture, Christopher Dawson (1889 - 1970)